

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 41 CV/CT

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 05-06-2019
Số:.....13280.....

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội có nhận được công văn số 730/DGDHN-QLNY ngày 22/05/2019 Công ty báo cáo:

Ngày 10/01/2019 Công ty đã công bố thông tin, báo cáo thường niên 2018 trên hệ thống IDS của UBCK Nhà Nước, có xác minh báo cáo gửi đúng hạn

“Nhóm báo cáo: CBTT định kỳ khác. Mã báo cáo: IDS-08

Tên báo cáo: Báo cáo thường niên,

Đơn vị gửi: Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội, kỳ gửi: năm 2018

Ngày gửi: 10/01/2019, số văn bản: 04, ngày ký văn bản 10/01/2019

Tài liệu báo cáo: báo cáo thường niên 2018.pdf”

Ngày 19/02/2019 Công ty đã ký Thỏa thuận sử dụng hệ thống quản lý thông tin với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội đã được cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập CIMS (số 260/SGDCK-QLNY, Ngày 28/02/2019)

Trân trọng.

Hà Nội, Ngày 25 tháng 05 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Đính kèm: BC Thường niên 2018
Bản chụp xác minh


TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Phạm Thị Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Năm báo cáo 2018

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101337659:
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 62.909.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 62.909.000.000 đ
- Địa chỉ/ *Address*: 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại/ *Telephone*: 0243.5130669/ 5134588
- Số fax/ *Fax*: 0243.8511280
- Website: www.hanoipharma.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: **DHN**

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

(ngày thành lập 01/01/2003 theo QĐ 8103/QQD-UBND chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội).

*Đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán **{DHN}** tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 22/3/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 16/2018/GCNCP-VSD ngày 22/03/2018

*Đã đăng ký giao dịch cổ phiếu **DHN** tại thị trường UPCOM trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quyết định số 179/QĐ-SGDHN ngày 12/4/2018

*Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

*Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: **62.909.000.000 đồng**

*Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ năm, ngày 19/04/2018



*Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: **10.500 đồng/cổ phiếu**

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh: (Sản xuất kinh doanh thuốc y tế phòng, chữa bệnh cho người, nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm trang thiết bị y tế. Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm. Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Trụ sở giao dịch : 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Nhà máy : Lô 15 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*. Công ty cổ phần

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*. Đại hội đồng cổ đông/ HĐQT

- Ngày 04/04/2018 HĐQT nhất trí bầu Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (**theo Nghị định 71**) Ông Hoàng Tuấn Tú từ 01/05/2018

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Không

4. *Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*.. SXKD thuốc y tế phòng chữa bệnh cho người

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*: nhà máy Dược đạt GMP-WHO

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*. Tuân thủ theo đúng các qui định về môi trường, tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng trong khu công nghiệp Quang Minh

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks): Không

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

TT	Danh mục	ĐVT	Năm 2018		Tỷ lệ %
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1	Doanh thu thuần	VNĐ	61,226.000,000	71.897.626.116	117,43
	Trong đó : Sản xuất	VNĐ	59,675,000,000	68.711.071.482	115,14
2	Tổng lợi nhuận thuần	VNĐ	7,726,000,000	8.525.555.888	110,35
3	Cổ tức	%	10%/năm	10%/năm	100,00
4	Lương BQ/lao động/tháng	VNĐ	6,800,000	7.200.000	105,88

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

Danh sách Ban điều hành:

Bà Phạm Thị Tuân : Tổng Giám Đốc

Ông Đinh Quang Hà : Phó Tổng Giám Đốc

Bà Nguyễn Thị Nhung : Kế Toán Trưởng

Bà Nguyễn Phú Bình : Phó Giám đốc nhà máy

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*): Không
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Cán bộ, nhân viên đến 31/12/2018 là 101 lao động,

Chính sách về hợp đồng lao động và đóng BHXH cho người lao động theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Luật Bảo hiểm

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Không

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

Không

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% 2018/2017
Tổng giá trị tài sản	86,605,925,778	91.852.887.312	106,06
Doanh thu thuần	71,056,985,951	71.897.626.116	101,18
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	7,999,888,999	8.525.555.888	106,57
Lợi nhuận khác	524,200,000	-77.570.313	0
Lợi nhuận trước thuế	8,344,986,687	8.447.985.575	101,23
Lợi nhuận sau thuế	7,405,344,046	7.506.431.369	101,36

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :	3.19	3.27
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)		
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> :	3.55	2.00
Tài sản ngắn hạn /Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.19	0.19
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0.24	0.24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> :		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	2.25	2.42
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0.78	0.82
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0.10	0.10
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ totalcapital Ratio</i>)	0.10	0.11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0.08	0.09
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0.12	0.11

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

5  

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) **Cổ phần/Shares:** Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrote the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Mã	Tên cổ đông	Quan hệ cổ đông	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	
	Cao Sơn		74.043	1,17	74.143	1,18	Mua
	Nguyễn Thị Dung		0	0	10	0	Mua
	Nguyễn Chí Trung		0	0	1.000	0,01	Mua
	Nguyễn Mạnh Thường		500	0	1.000	0,01	Mua
	Nguyễn Quỳnh Anh		0	0	68	0	Mua
	Thái Hoàng Linh		10	0	0	0	Bán
	Nguyễn Thị Hương		67.501	1,07	1.401	0,02	Bán
	Phạm Phương Thảo		19.400	0,30	91.800	1,45	Mua
	Vũ Chí Công		2.000	0,02	1.500	0,02	Bán
	Nguyễn Thị Tường		7.468	0,10	0	0	Bán

b) **Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

Cổ đông lớn:

Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà sở hữu 2.516.360 cổ phần chiếm tỷ lệ 40%

Dương Thuý Hằng sở hữu: 620.621 cổ phần chiếm tỷ lệ 9.87%

Nguyễn Thị Nhung sở hữu: 314.545 cổ phần chiếm tỷ lệ 5%

Cổ đông là tổ chức: Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Không

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Tổng nguyên vật liệu xuất cho sản xuất năm 2018 là: 34.708.177.054đ

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Trung bình Công ty tiêu thụ 30.300kw/ tháng x 12 tháng = 363.600kw điện/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Không

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Trung bình Công ty sử dụng 1.100 m³/ tháng x 12 = 13.200 m³ /năm, nước sạch do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

Hàng năm có Báo cáo Quan trắc môi trường và quan trắc môi trường lao động đạt tiêu chuẩn. Ký hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ kho hàng, hệ thống PCCC, hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải nguy hại trong năm... đúng qui định

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Đến 31/12/2018 Công ty có 101 lao động, lương bình quân 6.900.000 đ/lao động/tháng. Thưởng lương tháng thứ 13 bằng 200% lương bình quân tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Trong năm có tổ chức khám bệnh định kỳ tất cả công nhân viên. Mua và phát bảo hộ cho người lao động đúng chế độ qui định

Công đoàn phối hợp chính quyền tổ chức đưa cán bộ nhân viên đi nghỉ mát dịp hè

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Công nhân trực tiếp sản xuất đào tạo 48 giờ/năm/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty thuê chuyên gia hướng dẫn, cập nhật, bổ sung kiến thức về thực hành tốt SX thuốc, bảo quản thuốc và Kiểm nghiệm thuốc kịp thời cho người lao động

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

9  

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

- Đầu tư mua sắm mới Tài sản cố định năm 2018 là: 7.253.254.182đ theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược về bổ sung máy móc nhà máy GMP-WHO
- Công ty không phát sinh nợ xấu và tài sản xấu

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- *Không có nợ*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/ *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Hoạt động theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm, Điều lệ công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Trở thành công ty niêm yết và nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

Ông Phạm Kim Sơn-Chủ tịch, đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà sở hữu 15% cổ phần

Ông Nguyễn Thanh Tùng, đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà sở hữu 15% cổ phần

Bà Phạm Thị Tuân, Tổng giám đốc sở hữu 2% cổ phần

Ông Đinh Quang Hào, Phó Tổng giám đốc sở hữu 2% cổ phần

Bà Nguyễn Thị Nhung, Kế toán Trưởng sở hữu 5.03% cổ phần

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành : Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.

T	Số	Ngày	Nội dung
1	47/NQ-HĐQT	15/01/2018	Kết quả SXKD 2017, người công bố thông tin và đại diện quản trị, phê chuẩn Quy chế nội bộ
2	47a/NQ-HĐQT	26/03/2018	Thông qua miễn nhiệm chức Trưởng phòng Tài chính kế toán Ông Đào

			Việt Hà
3	48/NQ-HĐQT	04/04/2018	Chương trình, nội dung ĐHCĐ thường niên 2018, trưởng ban Kiểm soát chuyên trách Ông Hoàng Tuấn Tú, ngày giao dịch Upcom đầu tiên 19/4/2018, giá tham chiếu 10.500 đồng/cổ phiếu
4	49/NQ-HĐQT	08/05/2018	Thông qua chọn đối tác mua máy Chiết đóng nút trong, ngoài tự động
5	50/NQ-HĐQT	10/07/2018	Thông qua gửi thông báo đến VSD chốt danh sách trả cổ tức 6 tháng đầu 2018, tỷ lệ thực hiện 5%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)
6	51/NQ-HĐQT	21/07/2018	Thông qua chọn đối tác mua máy Vô hộp tự động
7	52/NQ-HĐQT	30/10/2018	Thông qua Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch Tài chính 2019

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

Không

2. Ban Kiểm soát/*Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Ông Hoàng Tuấn Tú, Trưởng ban chuyên trách đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà sở hữu 5% cổ phần

Bà Nguyễn Hồng Loan, đại diện CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà sở hữu 5% cổ phần

Bà Nguyễn Lan Hương, Ủy viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).



Ngày 25/06/2018 đến 29/06/2018 kiểm soát hoạt động SXKD từ 01/01/2018 đến 31/05/2018

Ngày 20/08/2018 đến 04/09/2018 kiểm soát hoạt động SXKD đến 30/06/2018

C) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/
Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

- Lương Ban lãnh đạo Công ty năm 2018

Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng + phụ cấp	Cả năm 2018
Phạm Thị Tuấn	Tổng giám đốc	351.985.848	420.083.903	772.069.749
Đình Quang Hà	Phó Tổng giám đốc	212.449.844	256.460.825	468.910.669
Ng Thị Nhung	Kế toán trưởng	211.428.871	262.507.980	473.936.851
Ng Phú Bình	Phó GD nhà máy	176.583.561	166.057.693	342.641.254

-Phụ cấp HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018.

Hệ số	Họ và tên	Chức danh	Cả năm 2018
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1.20	CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	50.140.686
1.00	CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Thành viên	41.917.238
1.00	Phạm Thị Tuấn	Thành viên	41.917.238
1.00	Đình Quang Hà	Thành viên	41.917.238
1.00	Nguyễn Thị Nhung	Thành viên	41.917.238

BAN KIỂM SOÁT			0
1.00	CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Trưởng ban KS	41.917.238
0.76	CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Thành viên BKS	32.049.101
0.76	Nguyễn Lan Hương	Thành viên BKS	32.049.101

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

Không

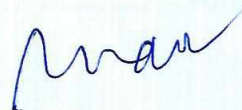
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Thực hiện đúng theo qui định về quản trị công ty đại chúng

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions*

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Hà Nội, Ngày 10 Tháng 01 Năm 2019

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Phạm Thị Thuần